TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 87/2018/HS-ST
Ngày 24/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Cường.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Đức Quỳnh.
Ông Phạm Xuân Thanh.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Ông Luyện Văn Thông - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Thị T - sinh ngày 28 tháng 10 năm 1996, tại xã V, huyện Y, tỉnh N. Nơi cư trú: Xóm T, xã V, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân may; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P và bà Nguyễn Thị H; chồng: Trần Hữu T, sinh năm 1992; con: Có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Người bị hại: Bà Phan Thị Th – sinh năm 1964.
Địa chỉ: Xóm Trung Thành, xã V, huyện Y, tỉnh N.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh Nguyễn Duy C – sinh năm 1989.
Địa chỉ: Xóm 8, xã V, huyện Y, tỉnh N.
Anh Nguyễn Thành Th1 – sinh năm 1963
Địa chỉ: Xóm 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2016 Phan Thị T kết hôn với anh Trần Hữu T, sinh năm 1992 trú tại xóm T, xã V, huyện Y, tỉnh N. Sau khi cưới Phan Thị T đưa cho bà Phan Thị Th, sinh năm 1964 (là mẹ chồng của T) 3,5 chỉ vàng, trong đó gồm 2 bông tai mỗi chiếc 0,5 chỉ; 05 chiếc nhẫn mỗi chiếc 0,5 chỉ nhờ bà Th giữ hộ. Bà Phan Thị Th mang số vàng trên cất vào rương gỗ cùng với 01 chỉ vàng loại 24k của bà Th đặt trong phòng ngủ của vợ chồng. Đến ngày 08/4/2018 do cần tiền để mua bán hàng hóa qua mạng, Phan Thị T lợi dụng sở hở trong lúc không có ai ở nhà lấy chìa khóa mở rương gỗ lấy 4,5 chỉ vàng sau đó mang đi bán 2,5 chỉ vàng tại tiệm vàng N khối 1, thị trấn Y, huyện Y và 02 chỉ vàng và bán tại tiệm vàng D tại xã V, huyện Y. Ngày 09/4/2018 do lo sợ sự việc bị phát giác nên Phan Thị T đã tạo dựng hiện trường giả một vụ trộm khác nhằm che dấu hành vi của mình. Ngày 18/4/2018 Phan Thị T ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện Yên Thành kết luận: 4,5 chỉ vàng trong đó gồm 02 hoa tai bằng vàng 24k, mỗi chiếc 0,5 chỉ trị giá 3.575.000 đồng; 01 chiếc nhẫn đeo ngón tay 01 chỉ bằng vàng 24k trị giá 3.575.000 đồng; 05 chiếc nhẫn đeo ngón tay bằng vàng, mỗi chiếc 0,5 chỉ trị giá 8.937.000 đồng. Tổng cộng: 16.087.000 đồng.

Cáo trạng số: 96/VKS-HS ngày 07/9/2018 của VKSND huyện Yên Thành, Nghệ An truy tố Phan Thị T về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 01 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý đối với bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Kiểm sát viên đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Kiểm sát viên đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ buộc tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa công khai bị cáo Phan Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Trên cơ sở lời khai nhận của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và kết luận định giá tài sản là hoàn toàn phù hợp với nhau. Cơ quan điều tra, điều tra viên đã tiến hành tố tụng điều tra như ra các quyết định, lấy lời khai, hỏi cung bị can theo đúng các quy định của pháp luật. Xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận Phan Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản" đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã quy kết.

Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 16.087.000 đồng (Mười sáu triệu, không trăm, tám mươi bày nghìn đồng). Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tuy tố bị cáo theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Đây là một vụ án ít nghiêm trọng, xét hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh xem thường pháp luật. Hành vi do bị cáo thực hiện không những xâm phạm quyền sở hữu được nhà nước và pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội.

[2] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra Công an huyện Yên Thành. Qúa trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cần coi đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

[4] Đối với Nguyễn Duy C chủ tiệm vàng D khi giao dịch không biết số vàng mà bị cáo T bán là do trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Nguyễn Thành Th1 chủ tiệm vàng N quá trình điều tra, xác minh ông Th1 không thừa nhận mua 2,5 chỉ vàng mà bị cáo T khai bán, do đó không có cơ sở để xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Phan Thị Th đã nhận lại 02 chỉ vàng, đối với 2,5 chỉ vàng chưa được bồi thường bà Th không yêu cầu bị cáo bồi thường nữa nên miễn xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy C đã nhận lại số tiền mua vàng của bị cáo không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 02 chỉ vàng, loại 24k gồm 01 chiếc nhẫn đeo ngón tay 01 chỉ và hai bông tai mỗi bông 0,5 chỉ. Xét vật chứng do người phạm tội chiếm đoạt trái phép của người khác, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên miễn xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Phan Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị T **06** (**Sáu**) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách là **12 (Mười hai)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị T cho Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh N giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Thị T phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-VKSND H. Yên Thành
- TAND tỉnh Nghệ An
- THA DS H. Yên Thành
- Bị cáo; Người bị hại
- Người bào chữa
- Người có QLNVLQ
- UBND xã V
- lưu HS vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã kí)

Hồ Sỹ Cường